

Phụ lục

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ CỦA BỆNH VIỆN THẬN HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2026 của Sở Y tế Hà Nội)

STT	Tên thiết bị/chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa* (ĐVT: triệu đồng)
1	Máy X quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Máy	1	3.915
2	Máy X quang di động	Máy	1	3.713
3	Máy X quang C Arm	Máy	1	4.828
4	Hệ thống CT Scanner 64 - 128 lát cắt/vòng quay	Hệ thống	1	14.180
5	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Hệ thống	1	29.000
6	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	1	3.848
7	Máy siêu âm tổng quát	Máy	4	2.489
8	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại	Hệ thống	2	4.990
9	Máy xét nghiệm miễn dịch các loại	Hệ thống	2	5.060
10	Máy thận nhân tạo	Máy	150	369
11	Máy thở	Máy	5	1.397
12	Máy gây mê	Máy	1	2.235
13	Máy theo dõi bệnh nhân	Máy	20	230
14	Bơm tiêm điện	Cái	20	37
15	Máy truyền dịch	Máy	20	54
16	Dao mổ điện cao tần	Cái	1	365
17	Dao mổ siêu âm/Hàn mạch/Dao mổ mô	Cái	1	1.563
18	Máy phá rung tim	Máy	2	370
19	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	1	6.260
20	Đèn mổ treo trần	Bộ	1	586
21	Đèn mổ di động	Bộ	1	420

STT	Tên thiết bị/chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa* (ĐVT: triệu đồng)
22	Bàn mổ	Cái	1	1.500
23	Máy điện tim	Máy	4	199
24	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày. đại tràng)	Hệ thống	1	4.743
25	Hệ thống nội soi khí quản. phế quản	Hệ thống	1	3.440
26	Hệ thống nội soi tiết niệu	Hệ thống	1	2.100
27	Máy đo độ loãng xương	Máy	1	1.747
28	Máy đốt u bằng sóng cao tần	Máy	1	3.970
29	Kính hiển vi	Cái	3	350
30	Máy phân tích khí máu và điện giải	Máy	1	448
31	Máy xét nghiệm cận lẳng nước tiểu	Máy	1	1.340
32	Máy xét nghiệm điện giải	Máy	3	167
33	Máy xét nghiệm HbA1C	Máy	2	1.177
34	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy	2	1.180
35	Hệ thống xét nghiệm gelcard để định nhóm máu	Hệ thống	1	2.342
36	Máy đo tốc độ máu lắng	Máy	1	180
37	Máy xét nghiệm đông máu	Máy	1	1.561
38	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	2	2.360
39	Máy cấy máu tự động	Máy	1	882
40	Máy đếm khuẩn lạc tự động	Máy	2	234
41	Máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ	Máy	1	1.850
42	Máy kiểm tra nội độc tố vi khuẩn	Máy	2	874
43	Buồng đếm tế bào	Cái	1	1.080
44	Máy đo cung lượng tim	Máy	1	1.350
45	Máy ép tim tự động	Máy	2	1.300

STT	Tên thiết bị/chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa* (ĐVT: triệu đồng)
46	Máy điều trị sỏi tiểu	Máy	1	2.080
47	Máy điều trị bằng sóng xung kích	Máy	1	245
48	Máy tập cơ sàn chậu	Máy	1	370
49	Bộ dụng cụ phẫu thuật các loại	Bộ	3	1.497
50	Kính hiển vi phẫu thuật	Cái	1	6.595
51	Máy lọc máu liên tục	Máy	2	1.500
52	Tủ làm ấm dịch truyền	Cái	1	517
53	Hệ thống lọc nước RO dùng cho thận nhân tạo (Công suất tối đa 3000 lít/giờ)	Hệ thống	3	8.286
54	Hệ thống máy tán ngược dòng bằng Laser	Hệ thống	1	4.980
55	Hệ thống tán sỏi ngoài cơ thể	Hệ thống	1	4.286
56	Hệ thống tán sỏi nội soi	Hệ thống	1	6.900
57	Hệ thống trộn và cấp dịch trung tâm	Hệ thống	2	1.650
58	Máy đo niệu động học	Máy	1	1.550
59	Máy pha dịch chạy thận nhân tạo	Máy	4	600
60	Máy thẩm tách siêu lọc máu (HDF Online)	Máy	10	940
61	Hệ thống holter điện tim	Hệ thống	1	920
62	Hệ thống holter huyết áp	Hệ thống	1	920
63	Hệ thống theo dõi bệnh nhân trung tâm	Hệ thống	1	3.428
64	Máy đo chức năng hô hấp	Máy	1	599
65	Máy hấp tiệt trùng	Máy	2	3.095
66	Máy rửa dây nội soi tự động	Máy	1	377
67	Máy rửa dụng cụ siêu âm	Máy	2	950
68	Máy rửa khử khuẩn	Máy	2	3.450
69	Máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	Máy	1	2.796

STT	Tên thiết bị/chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa* (ĐVT: triệu đồng)
70	Hệ thống lọc nước RO	Hệ thống	2	1.656
71	Máy phân tích thành phần cơ thể	Máy	1	558
72	Tủ lạnh âm sâu	Cái	1	597
73	Ghế thận nhân tạo	Cái	150	150
74	Giường bệnh nhân	Cái	50	19
75	Giường cấp cứu đa năng chạy điện	Cái	4	803
76	Máy siêu âm cầm tay	Máy	1	81
77	Máy đo áp lực thẩm thấu	Máy	2	585
78	Máy hút dịch	Máy	3	38
79	Máy rửa quả lọc thận	Máy	5	345
80	Tủ sấy	Cái	3	262
81	Tủ âm	Cái	3	278
82	Tủ an toàn sinh học	Cái	2	415
83	Máy phun khử trùng phòng mổ	Máy	1	175
84	Hệ thống rửa tay vô trùng	Hệ thống	2	172
85	Máy bơm nước rửa dùng cho tán sỏi thận qua da	Máy	1	119
86	Hệ thống rửa quả lọc	Hệ thống	2	500
87	Máy soi ven	Cái	5	195
88	Súng sinh thiết mô mềm	Cái	2	73
89	Tủ lạnh bảo quản lạnh các loại	Cái	10	275
90	Xe tiêm	Cái	20	19
91	Máy đo huyết áp tự động	Máy	3	72
92	Máy lắc	Máy	1	97
93	Tủ âm CO2 các loại	Cái	1	345

STT	Tên thiết bị/chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa* (ĐVT: triệu đồng)
94	Máy ly tâm các loại	Máy	3	285
95	Máy trộn vortex	Máy	1	18
96	Bể ổn nhiệt	Cái	2	60
97	Bộ đặt nội khí quản khó	Bộ	3	34
98	Bộ đặt nội khí quản có camera	Bộ	3	115
99	Máy đo áp lực động mạch ngoại biên	Máy	2	440
100	Máy nuôi ăn qua sonde	Máy	5	31
101	Cân bệnh nhân tại giường	Cái	3	160
102	Máy phân tích nước tiểu di động	Máy	5	35
103	Máy làm ấm máu và dịch truyền	Máy	2	35
104	Máy đo độ đục	Máy	1	70
105	Bình nuôi cấy kỵ khí	Cái	1	42
106	Máy đo PH	Máy	1	35
107	Máy ủ nhiệt	Máy	1	160
108	Máy xét nghiệm điện di	Máy	1	1.451
109	Máy Doppler xuyên sọ	Máy	1	1.365
110	Máy phân tích tinh dịch đồ tự động	Máy	1	2.395
111	Máy sưởi ấm bệnh nhân	Máy	1	100
112	Máy lọc màng bụng	Máy	1	190

* Mức giá tối đa/đơn vị tính